

CÁC BỘ**LIÊN BỘ****TÀI CHÍNH - KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ**

**THÔNG TƯ liên tịch số 129/2004/
TTLT-BTC-BKHCN ngày
29/12/2004 về hướng dẫn thi
hành các biện pháp kiểm soát
biên giới về sở hữu công nghiệp
đối với hàng hóa xuất khẩu,
nhập khẩu.**

*Căn cứ Luật Hải quan ngày 29 tháng 6
năm 2001;*

*Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành
chính ngày 02/7/2002;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP
ngày 01/7/2003 của Chính phủ về nhiệm
vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ
Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP
ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công
nghệ và Nghị định số 28/2004/NĐ-CP
ngày 16/01/2004 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 54/2003/NĐ-CP;*

*Căn cứ Điều 14 Nghị định số 101/2001/
NĐ-CP ngày 31/12/2001 của Chính phủ*

*quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Hải quan về thủ tục hải quan,
chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;*

*Căn cứ khoản 6 Điều 64 Nghị định số
63/CP ngày 24/10/1996 quy định chi
tiết về sở hữu công nghiệp được sửa đổi,
bổ sung theo Nghị định số 06/2001/
NĐ-CP ngày 01/02/2001 của Chính
phủ;*

*Liên tịch Bộ Tài chính và Bộ Khoa học
và Công nghệ hướng dẫn thi hành các
biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu
công nghiệp đối với hàng hóa xuất khẩu,
nhập khẩu như sau:*

Mục 1. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**1. Giải thích thuật ngữ**

Các thuật ngữ trong Thông tư này
được hiểu như sau:

1.1. "Đối tượng sở hữu công nghiệp"
dùng để chỉ sáng chế, giải pháp hữu ích,
kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí
mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu hàng
hóa, tên gọi xuất xứ hàng hóa và các đối
tượng sở hữu công nghiệp khác được bảo
hộ theo pháp luật của Việt Nam;

1.2. "Văn bằng bảo hộ" dùng để chỉ
Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc
quyền giải pháp hữu ích, Bằng độc quyền
kiểu dáng công nghiệp (Giấy chứng nhận
kiểu dáng công nghiệp được cấp theo
Pháp lệnh Bảo hộ quyền sở hữu công

ngiệp 1989), Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa;

1.3. "*Tài liệu chứng minh quyền sở hữu công nghiệp*" dùng để chỉ Quyết định công nhận nhãn hiệu nổi tiếng, Quyết định chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa đăng ký theo Thỏa ước Madrid và các loại tài liệu khác xác nhận quyền đối với đối tượng sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật sở hữu công nghiệp;

1.4. "*Chủ sở hữu công nghiệp*" dùng để chỉ "Chủ Văn bằng bảo hộ", Chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp theo Tài liệu chứng minh quyền sở hữu công nghiệp và "Người được chuyển giao hợp pháp quyền sở hữu công nghiệp";

1.5. "*Các biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp*" dùng để chỉ chung các biện pháp giám sát, phát hiện hàng hóa giả mạo nhãn hiệu; tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp; kiểm tra và xác định tình trạng pháp lý về sở hữu công nghiệp đối với hàng bị tạm dừng làm thủ tục hải quan; xử lý hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp và các bên liên quan theo quy định tại Thông tư này;

1.6. "*Hàng hóa xâm phạm quyền sở*

hữu công nghiệp" được hiểu là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có chứa yếu tố vi phạm theo quy định của pháp luật sở hữu công nghiệp;

1.7. "*Hàng hóa giả mạo nhãn hiệu*" là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, gồm cả bao bì, nhãn mác, đề can mang nhãn hiệu trùng hoặc về cơ bản không thể phân biệt được với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hóa cùng loại mà không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu. Hàng hóa giả mạo nhãn hiệu là một trường hợp đặc biệt của hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hàng hóa.

1.8. "*Người nộp đơn*" là người nộp đơn yêu cầu giám sát, phát hiện hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc là người nộp đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp;

1.9. "*Đơn*" dùng để chỉ chung Đơn yêu cầu giám sát, phát hiện hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc Đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp;

1.10. "*Chủ lô hàng*" dùng để chỉ chung người nhập khẩu hoặc người xuất khẩu hoặc chủ sở hữu lô hàng.

1.11. "*Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp*" dùng để chỉ tổ chức có đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở

hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật sở hữu công nghiệp.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Thông tư này được áp dụng đối với tất cả hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu, trừ các trường hợp quy định tại Điểm 2.2 dưới đây.

2.2. Thông tư này không áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu không nhằm mục đích kinh doanh, gồm:

- a) Hàng hóa viện trợ nhân đạo;
- b) Hàng quá cảnh;
- c) Hàng hóa tạm nhập - tái xuất, hàng hóa tạm xuất - tái nhập phục vụ công tác, sinh hoạt của tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao;
- d) Hàng hóa là quà biếu, tặng, tài sản di chuyển trong tiêu chuẩn được miễn thuế; hành lý cá nhân theo định mức quy định của Chính phủ.

Mục 2. YÊU CẦU ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT BIÊN GIỚI VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

3. Quyền nộp đơn yêu cầu áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp

3.1. Chủ sở hữu công nghiệp có quyền nộp đơn yêu cầu Cơ quan Hải quan áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp;

3.2. Trường hợp Chủ sở hữu công nghiệp là Bên nhận li-xăng, quyền quy định tại Điểm 3.1 trên đây chỉ phát sinh nếu Bên giao li-xăng đã không thực hiện quyền nộp đơn trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày được Bên nhận li-xăng đề nghị điều đó và việc người thứ ba nhập khẩu, xuất khẩu hàng sẽ gây thiệt hại cho Bên nhận li-xăng.

3.3. Quyền nộp đơn được chứng minh trong các tài liệu sau:

- a) Bản sao Văn bằng bảo hộ hoặc tài liệu khác chứng minh quyền sở hữu công nghiệp đang được bảo hộ tại Việt Nam;
- b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng li-xăng liên quan đến đối tượng sở hữu công nghiệp, đang trong thời hạn hiệu lực và tài liệu khác chứng minh Người nộp đơn là Bên nhận li-xăng và Bên giao li-xăng không thực hiện việc nộp đơn theo quy định tại Điểm 3.2. Thông tư này.

3.4. Người có quyền nộp đơn yêu cầu áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp thực hiện việc nộp đơn theo quy định sau:

- a) Cá nhân, pháp nhân và chủ thể khác của Việt Nam, cá nhân nước ngoài thường trú tại Việt Nam có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp thực hiện việc nộp đơn;
- b) Pháp nhân nước ngoài có văn phòng đại diện tại Việt Nam, cá nhân hoặc pháp

nhân nước ngoài có cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam có thể ủy quyền cho văn phòng đại diện, cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam, hoặc Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp thực hiện việc nộp đơn;

Cá nhân nước ngoài không thường trú tại Việt Nam và không có cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc pháp nhân nước ngoài không có đại diện hợp pháp và không có cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam, chỉ có thể ủy quyền cho Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp thực hiện việc nộp đơn.

4. Điều kiện yêu cầu áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp

4.1. Yêu cầu giám sát, phát hiện hàng hóa giả mạo nhãn hiệu được thực hiện khi Chủ sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hàng hóa không có thông tin chi tiết về lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu cụ thể bị nghi ngờ là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu nhưng có thông tin chi tiết cho phép phát hiện hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, bao gồm:

a) Mô tả chi tiết hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, ảnh hàng thật và hàng giả mạo nhãn hiệu, các đặc điểm phân biệt hàng thật với hàng giả mạo nhãn hiệu;

b) Danh sách những người xuất khẩu, nhập khẩu hợp pháp; danh sách những người bị nghi ngờ có khả năng xuất khẩu, nhập khẩu hàng giả mạo nhãn hiệu; nguồn hàng;

c) Cách thức xuất, nhập khẩu; phương thức đóng gói; giá bán hàng thật, hàng giả;

d) Nước thường xuất khẩu, nhập khẩu và những thông tin khác liên quan đến việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa giả mạo nhãn hiệu.

4.2. Yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan được thực hiện đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu cụ thể bị nghi ngờ là hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp khi Chủ sở hữu công nghiệp có thông tin cho phép xác định lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu đó, bao gồm:

a) Đối tượng sở hữu công nghiệp bị nghi ngờ xâm phạm;

b) Tên, địa chỉ của người xuất khẩu, người nhập khẩu;

c) Các thông tin dự đoán về thời gian và địa điểm làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu;

d) Bản mô tả chi tiết hoặc ảnh chụp hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp;

đ) Kết quả giám định của cơ quan quản lý về sở hữu công nghiệp đối với chứng cứ ban đầu (nếu có).

4.3. Chủ sở hữu công nghiệp yêu cầu áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp phải có đủ điều kiện bảo đảm thanh toán các chi phí và bồi thường thiệt hại phát sinh do việc tạm dừng làm thủ tục hải quan theo yêu cầu của mình trong trường hợp hàng

hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan được xác định là không xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

Điều kiện bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tài chính nêu trên là:

a) Chứng từ nộp tiền bảo đảm vào tài khoản tạm gửi của Cơ quan Hải quan tại Kho bạc Nhà nước với mức cụ thể bằng 20% giá trị lô hàng theo giá ghi trong hợp đồng hoặc tối thiểu là 20 triệu đồng (trường hợp chưa biết trị giá lô hàng nghi ngờ vi phạm); hoặc

b) Chứng từ bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác được phép thực hiện một số hoạt động ngân hàng để bảo đảm cam kết thanh toán mọi chi phí và thiệt hại phát sinh cho Chủ lô hàng do việc tạm dừng làm thủ tục hải quan trong trường hợp hàng tạm dừng được xác định là không xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

5. Thời hạn và phạm vi yêu cầu áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp

5.1. Chủ sở hữu công nghiệp có quyền yêu cầu Cơ quan Hải quan áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp trong thời hạn 1 năm đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu và 3 tháng đối với hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp kể từ ngày nộp đơn. Thời hạn nói trên có thể được gia hạn thêm 01 năm đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu và 02 tháng đối với hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền

sở hữu công nghiệp nhưng không được quá thời hạn bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp liên quan và người nộp đơn có trách nhiệm nộp phí gia hạn theo quy định.

5.2. Chủ sở hữu công nghiệp có quyền yêu cầu Cơ quan Hải quan áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới trong phạm vi các cửa khẩu xác định thuộc địa bàn quản lý của một hoặc nhiều Chi cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố.

6. Đơn yêu cầu áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp

6.1. Đơn yêu cầu giám sát, phát hiện hàng hóa giả mạo nhãn hiệu gồm các tài liệu sau:

a) Đơn (theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư này);

b) Tài liệu chứng minh quyền nộp đơn theo quy định tại Điểm 3 Thông tư này;

c) Giấy ủy quyền nộp đơn (trường hợp Đơn được nộp thông qua Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp hoặc người được ủy quyền khác theo quy định tại Điểm 3.4 Thông tư này).

d) Các thông tin hoặc ý kiến của cơ quan quản lý sở hữu công nghiệp đối với chứng cứ ban đầu (nếu có) cho phép Cơ quan Hải quan xác định hàng hóa giả mạo nhãn hiệu theo quy định tại Điểm 4.1 Thông tư này.

6.2. Đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu,

nhập khẩu bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp gồm các tài liệu sau:

a) Đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan (theo mẫu tại Phụ lục 2 Thông tư này);

b) Giấy ủy quyền nộp đơn (trường hợp Đơn được nộp thông qua Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp hoặc người được ủy quyền khác theo quy định tại Điểm 3.4 Thông tư này);

c) Tài liệu chứng minh quyền nộp đơn theo quy định tại Điểm 3 Thông tư này;

d) Chứng cứ ban đầu về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điểm 4.2 Thông tư này;

đ) Chứng từ bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tài chính quy định tại Điểm 4.3 Thông tư này (nếu có).

6.3. Đối với các trường hợp thông tin về hàng hóa giả mạo nhãn hiệu đã được ghi nhận tại Cơ quan Hải quan Người nộp đơn không phải nộp các tài liệu quy định tại các đoạn b, c Điểm 6.2 với điều kiện phải chỉ ra số ký hiệu Đơn yêu cầu giám sát, phát hiện hàng hóa giả mạo nhãn hiệu đã được chấp nhận.

7. Thẩm quyền nhận đơn yêu cầu áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp

7.1. Chi cục Hải quan có thẩm quyền nhận đơn nếu phạm vi yêu cầu áp dụng các biện pháp kiểm soát là các cửa khẩu

thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Hải quan đó;

7.2. Cục Hải quan tỉnh/thành phố có thẩm quyền nhận đơn nếu phạm vi yêu cầu áp dụng các biện pháp kiểm soát là các cửa khẩu thuộc địa bàn quản lý của Cục Hải quan tỉnh/thành phố đó;

7.3. Tổng cục Hải quan có thẩm quyền nhận đơn nếu phạm vi yêu cầu áp dụng các biện pháp kiểm soát là các cửa khẩu thuộc địa bàn quản lý của từ 2 Cục Hải quan tỉnh/thành phố trở lên.

8. Xử lý Đơn

8.1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Đơn yêu cầu giám sát, phát hiện hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc 24 giờ làm việc kể từ thời điểm nhận được Đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan, Cơ quan Hải quan có trách nhiệm xem xét Đơn theo quy định sau đây:

a) Thủ trưởng Cơ quan Hải quan nơi nhận đơn ra thông báo chấp nhận Đơn và ghi nhận các thông tin trong Đơn nếu Đơn không thuộc các trường hợp nêu tại đoạn b và c Điểm này.

b) Thủ trưởng Cơ quan Hải quan nơi nhận Đơn thông báo các thiếu sót của Đơn cho Người nộp đơn và yêu cầu Người nộp đơn sửa chữa các thiếu sót đó trong thời hạn 30 ngày đối với Đơn yêu cầu phát hiện hàng hóa giả mạo nhãn hiệu và 3 ngày đối với Đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan tính từ ngày

thông báo nếu Đơn thuộc các trường hợp sau:

(i) Đơn không đủ tài liệu theo quy định tại Điểm 6 Thông tư này;

(ii) Đơn không làm theo mẫu quy định, hoặc không có đủ thông tin theo yêu cầu;

(iii) Đơn không được nộp theo quy định tại Điểm 3.4 Thông tư này;

(iv) Đơn không có đủ thông tin chi tiết để Cơ quan Hải quan có thể phát hiện hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điểm 4.1 hoặc 4.2 Thông tư này.

c) Thủ trưởng Cơ quan Hải quan nơi nhận Đơn ra thông báo từ chối chấp nhận đơn trong các trường hợp sau đây:

(i) Cơ quan nhận đơn không có thẩm quyền nhận đơn theo quy định tại Điểm 7 Thông tư này; hoặc

(ii) Có cơ sở khẳng định Người nộp đơn không có quyền nộp đơn theo quy định tại các Điểm 3.1 và 3.2 Thông tư này; hoặc

(iii) Đơn có các thiếu sót và mặc dù đã được yêu cầu sửa chữa nhưng Người nộp đơn vẫn không sửa chữa hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu.

8.2. Theo yêu cầu của các Chủ sở hữu công nghiệp, Cơ quan Hải quan đã chấp nhận Đơn có trách nhiệm ghi nhận bổ sung mọi thay đổi liên quan đến các thông tin đã được ghi nhận với điều kiện người yêu cầu phải nộp phí theo quy định.

Mục 3. ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT BIÊN GIỚI VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

9. Căn cứ, thời hạn và đối tượng áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp

Cơ quan Hải quan áp dụng các biện pháp quy định tại Mục này căn cứ vào:

9.1. Đơn yêu cầu giám sát, phát hiện hàng hóa giả mạo nhãn hiệu đã được ghi nhận theo quy định tại Điểm 8 Thông tư này, trong thời hạn 1 năm tính từ ngày nộp đơn;

9.2. Đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng xuất khẩu, hàng nhập khẩu cụ thể có các đặc điểm được nêu trong Đơn và trong thời hạn 3 tháng tính từ ngày nộp đơn.

10. Trách nhiệm triển khai các biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp

10.1. Tổng cục Hải quan và Cục Hải quan đã chấp nhận Đơn cung cấp cho các Chi cục Hải quan thuộc phạm vi yêu cầu áp dụng các biện pháp kiểm soát nêu trong Đơn các thông tin đã được ghi nhận về hàng hóa giả mạo nhãn hiệu và hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp và chỉ đạo việc tổ chức áp dụng các biện pháp quy định tại Chương này.

10.2. Chi cục Hải quan đã chấp nhận

Đơn hoặc tiếp nhận thông tin về Đơn từ các cơ quan cấp trên tổ chức kiểm tra, phát hiện hàng hóa giả mạo nhãn hiệu và hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp căn cứ vào các thông tin đã được cung cấp và áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp theo thủ tục quy định tại Chương này.

11. Kiểm tra, phát hiện và tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu và hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp

11.1. Căn cứ các thông tin được ghi nhận nêu trong Đơn yêu cầu áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp đã được chấp nhận, Chi cục Hải quan có trách nhiệm triển khai việc kiểm tra, phát hiện hàng hóa nghi ngờ giả mạo nhãn hiệu và xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

11.2. Khi phát hiện được lô hàng nghi ngờ giả mạo nhãn hiệu hoặc xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp Chi cục trưởng Chi cục Hải quan có quyền tạm thời dừng làm thủ tục hải quan và Thông báo ngay bằng văn bản yêu cầu Người nộp đơn nộp Chứng từ bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại Điểm 4.3 Thông tư này (nếu chưa nộp) trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày ra Thông báo.

a) Trường hợp Người nộp đơn không đáp ứng yêu cầu nêu trên thì Chi cục Hải

quan tiếp tục làm thủ tục hải quan cho lô hàng đó.

b) Trường hợp Người nộp đơn đáp ứng yêu cầu nêu trên Chi cục trưởng Chi cục Hải quan ra Quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng đó và gửi ngay Quyết định này cho các bên liên quan.

Quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan phải nêu rõ lô hàng bị tạm dừng làm thủ tục hải quan; tên, địa chỉ, số fax, điện thoại liên lạc của Chủ lô hàng và Người nộp đơn; Chủ sở hữu công nghiệp; lý do tạm dừng làm thủ tục hải quan và thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan.

12. Thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan

12.1. Thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan là 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

Chi cục trưởng Chi cục Hải quan có thể ra Quyết định kéo dài thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan thêm một thời hạn tối đa là 10 ngày nếu trong thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan, Người nộp đơn yêu cầu gia hạn và nộp bổ sung một khoản tiền bảo đảm theo quy định tại Điểm 4.3.a Thông tư này. Trường hợp tờ khai đã được đăng ký tiếp nhận, sau đó bị tạm dừng làm thủ tục hải quan để cơ quan hải quan kiểm tra, xác minh tình trạng pháp lý về sở hữu công nghiệp thì thời hạn nộp thuế (nếu có) tính từ ngày ra quyết định tiếp tục làm thủ tục hải quan cho lô hàng đó.

12.2. Thời gian để Cơ quan Hải quan xác định tình trạng pháp lý về sở hữu công nghiệp đối với hàng bị tạm dừng làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điểm 14.5 Thông tư này không tính vào thời hạn quy định tại Điểm 12.1 trên đây.

13. Kiểm tra, thu thập chứng cứ về hàng xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp

13.1. Trong thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan, theo yêu cầu của Người nộp đơn hoặc Chủ lô hàng, Cơ quan Hải quan tổ chức cho các bên kiểm tra lô hàng bị tạm dừng làm thủ tục hải quan để thu thập chứng cứ, thông tin về lô hàng đó.

13.2. Chứng cứ về hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan có thể được thu thập dưới hình thức lập bản mô tả chi tiết các dấu hiệu đặc trưng của hàng hóa, chụp ảnh hàng hóa, lấy mẫu hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa trong những trường hợp cần thiết và thích hợp. Chứng cứ để nộp cho cơ quan có thẩm quyền giám định, giải quyết tranh chấp (tùy theo yêu cầu của các bên) phải được Chi cục Hải quan niêm phong.

14. Xác định tình trạng pháp lý về sở hữu công nghiệp của hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan

14.1. Xác định tình trạng pháp lý về sở hữu công nghiệp đối với hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan là xem xét và

kết luận hàng hóa đó có phải là hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp hay không, bao gồm việc xác định hàng hóa đó:

a) Có chứa yếu tố vi phạm hay không; và

b) Có phải là hàng hóa do Chủ sở hữu công nghiệp, người được phép của Chủ sở hữu công nghiệp hoặc Người có quyền sử dụng trước đã đưa ra thị trường Việt Nam hoặc thị trường nước ngoài hay không.

14.2. Cơ quan Hải quan tiến hành thủ tục xác định tình trạng pháp lý về sở hữu công nghiệp đối với hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan nếu:

a) Trong thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan Người nộp đơn nộp cho Chi cục Hải quan Đơn yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp kèm theo các chứng cứ, lập luận và tài liệu hoặc Văn bản kết luận giám định về sở hữu công nghiệp của cơ quan quản lý sở hữu công nghiệp khẳng định hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan là hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra Quyết định tiếp tục làm thủ tục hải quan cho lô hàng theo quy định tại Điểm 15.1.e Thông tư này Người nộp đơn nộp cho Chi cục Hải quan Đơn yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp kèm theo các chứng cứ, lập luận

và tài liệu hoặc Văn bản kết luận giám định về sở hữu công nghiệp của cơ quan quản lý sở hữu công nghiệp khẳng định hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan là hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp;

14.3. Việc xác định yếu tố vi phạm của hàng hóa phải tuân theo quy định của pháp luật sở hữu công nghiệp.

Căn cứ để xác định yếu tố vi phạm là các chứng cứ, lập luận và tài liệu do Người nộp đơn và Chủ lô hàng cung cấp.

Căn cứ để xác định hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan có phải là hàng hóa do Chủ sở hữu công nghiệp, người được phép của Chủ sở hữu công nghiệp hoặc Người có quyền sử dụng trước đã đưa ra thị trường hay không là các chứng cứ, lập luận và tài liệu chứng minh điều đó do Chủ lô hàng cung cấp.

14.4. Chi cục Hải quan có quyền yêu cầu Người nộp đơn gửi Văn bản trưng cầu giám định tại cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu công nghiệp để cho ý kiến kết luận nếu không tự xác định được tình trạng pháp lý về sở hữu công nghiệp của hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan căn cứ các chứng cứ, lập luận và tài liệu đã được cung cấp.

Chứng cứ, lập luận và tài liệu được Chi cục Hải quan sử dụng để kết luận tình trạng pháp lý của hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan do bất cứ bên nào cung cấp cũng đều được cho bên kia biết và có ý kiến.

14.5. Thời hạn xác định tình trạng pháp lý về sở hữu công nghiệp đối với hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan là 10 ngày tính từ ngày nộp Đơn yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điểm 14.2 trên đây. Thời gian dành cho các Bên liên quan bổ sung chứng cứ, lập luận và tài liệu hoặc thời gian trưng cầu giám định tại Cục Sở hữu trí tuệ hoặc Sở Khoa học công nghệ địa phương theo yêu cầu của Chi cục Hải quan không tính vào thời hạn nói trên.

15. Tiếp tục làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan và xử lý các bên liên quan

15.1. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan ra Quyết định tiếp tục làm thủ tục hải quan cho lô hàng bị tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan ấn định trong Quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan mà Chi cục Hải quan không nhận được một trong các tài liệu sau:

(i) Đơn yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp của Người nộp đơn kèm theo chứng cứ, lập luận và tài liệu hoặc Văn bản kết luận giám định về sở hữu công nghiệp của cơ quan quản lý về sở hữu công nghiệp để có cơ sở xác định tình trạng pháp lý về sở hữu công nghiệp của lô hàng bị tạm dừng làm thủ tục hải quan; hoặc

(ii) Văn bản của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền hoặc Tòa án xác nhận đã tiếp nhận đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp về xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp liên quan đến lô hàng bị tạm dừng làm thủ tục hải quan.

b) Kết quả xác định tình trạng pháp lý về sở hữu công nghiệp khẳng định rằng lô hàng bị tạm dừng làm thủ tục hải quan không phải là hàng xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp;

c) Chi cục Hải quan nhận được Quyết định của các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về sở hữu công nghiệp, trong đó khẳng định lô hàng bị tạm dừng thủ tục hải quan không phải là hàng xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp;

d) Quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan bị đình chỉ hoặc thu hồi theo quyết định giải quyết khiếu nại;

đ) Người nộp đơn rút đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan;

ē) Hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan là hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn hoặc bí mật kinh doanh và Chủ lô hàng yêu cầu tiếp tục làm thủ tục hải quan (với điều kiện phải lưu mẫu hàng để làm căn cứ xử lý sau này) đồng thời nộp vào tài khoản tạm gửi của Cơ quan Hải quan tại Kho bạc Nhà nước một khoản tiền bảo đảm bằng 20% trị giá lô hàng ghi trong hợp đồng.

15.2. Cơ quan Hải quan được miễn trách nhiệm vì đã tạm dừng theo yêu cầu của người nộp đơn và áp dụng các biện pháp xử lý các bên liên quan như sau:

a) Đối với các trường hợp nêu tại các điểm từ 15.1.a đến 15.1.đ Thông tư này, Cơ quan Hải quan thực hiện các công việc sau:

(i) Ra Quyết định buộc Người nộp đơn phải thanh toán các khoản chi phí phát sinh cho Chủ lô hàng do việc tạm dừng làm thủ tục hải quan không đúng gây ra. Chi phí phát sinh bao gồm phí lưu kho bãi, xếp dỡ, bảo quản hàng hóa. Thiệt hại từ việc tạm dừng làm thủ tục hải quan do hai bên thỏa thuận hoặc được xác định theo thủ tục tố tụng dân sự.

(ii) Hoàn trả các khoản tiền bảo đảm đã nộp vào tài khoản tạm gửi của Cơ quan Hải quan hoặc Chứng từ bảo lãnh của tổ chức tín dụng cho Người nộp đơn sau khi Người nộp đơn đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán các chi phí và thiệt hại phát sinh theo Quyết định của Cơ quan Hải quan hoặc Cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, khiếu nại về sở hữu công nghiệp liên quan đến lô hàng đó (nếu có);

(iii) Lập biên bản vi phạm hành chính và đề nghị Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt Người nộp đơn về hành vi thực hiện quyền sở hữu công nghiệp nhằm mục đích cạnh tranh không

lành mạnh theo quy định tại các văn bản hướng dẫn về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

b) Đối với trường hợp nêu tại Điểm 15.1.e Thông tư này, Cơ quan Hải quan áp dụng các biện pháp xử lý sau:

(i) Hoàn trả khoản tiền bảo đảm đã nộp vào tài khoản tạm gửi của Cơ quan Hải quan cho Chủ lô hàng nếu:

- Kết thúc thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày ra Quyết định tiếp tục làm thủ tục hải quan mà Người nộp đơn không nộp cho Cơ quan Hải quan Đơn yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, kèm theo chứng cứ, lập luận và tài liệu hoặc Văn bản kết luận giám định về sở hữu công nghiệp của cơ quan quản lý về sở hữu công nghiệp khẳng định hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan là hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp hoặc không nộp văn bản của Tòa án xác nhận đã tiếp nhận yêu cầu giải quyết tranh chấp về xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp liên quan đến lô hàng đó.

- Hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan không phải là hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

(ii) Ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Chủ lô hàng theo quy định tại Điểm 16.1 và 17.2 Mục 3 Thông tư này và hoàn trả khoản tiền bảo đảm, Chứng từ bảo lãnh của Tổ chức tín dụng cho Người nộp đơn trong trường hợp kết

luận hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan là hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

16. Xử lý các bên liên quan trong trường hợp xác định hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan là hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp

Trong trường hợp Chi cục Hải quan kết luận hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan là hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan chuyển hồ sơ kèm theo ý kiến đề xuất giải quyết vụ việc đến Cục Hải quan tỉnh/thành phố trực thuộc để Cục trưởng Cục Hải quan ra Quyết định:

16.1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với Chủ lô hàng với hình thức, mức phạt tương ứng với các hành vi vi phạm theo quy định tại các văn bản hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp;

16.2. Hoàn trả các khoản tiền bảo đảm đã nộp vào tài khoản tạm gửi của Cơ quan Hải quan hoặc Chứng từ bảo lãnh của tổ chức tín dụng cho Người nộp đơn.

17. Xử lý hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp

17.1. Việc áp dụng các biện pháp xử lý hàng xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Hàng xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp được xử lý theo quy định tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02/7/2002, Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, Nghị định và văn bản hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp;

b) Biện pháp xử lý hàng xuất khẩu, hàng nhập khẩu xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải bảo đảm ngăn chặn kịp thời hành vi xâm phạm, ngăn ngừa khả năng vi phạm tiếp theo đồng thời bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ sở hữu công nghiệp liên quan;

c) Biện pháp buộc loại bỏ yếu tố vi phạm chỉ được áp dụng đối với hàng hóa có thể gỡ bỏ yếu tố vi phạm, cụ thể là hàng hóa có bộ phận chứa yếu tố vi phạm có thể tháo rời như nhãn, đề can có thể bóc ra, bao bì, bộ phận sản phẩm có thể tháo rời;

d) Biện pháp buộc tái xuất được áp dụng đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu nếu nhãn hiệu giả mạo được gỡ bỏ;

đ) Biện pháp tịch thu được áp dụng đối với hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp nếu không thể loại bỏ được yếu tố vi phạm trên hàng hóa đó;

e) Biện pháp phân phối hàng bị tịch thu cho các đối tượng sử dụng không nhằm mục đích kinh doanh (các tổ chức

nhân đạo, tổ chức hoạt động vì phúc lợi xã hội, tổ chức nghiên cứu, giáo dục công cộng, v.v) được áp dụng nếu Chủ sở hữu công nghiệp không có ý kiến phản đối xác đáng;

g) Biện pháp tiêu hủy hàng hóa bị tịch thu được áp dụng nếu hàng hóa đó không có hoặc không còn giá trị sử dụng; hoặc là đề can, nhãn sản phẩm, bao bì sản phẩm chứa yếu tố vi phạm; hoặc hàng hóa không đáp ứng các điều kiện để xử lý bằng các biện pháp nêu trên.

17.2. Thẩm quyền, thủ tục, hình thức xử lý hàng hóa bị tạm dừng làm thủ tục hải quan xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải tuân thủ quy định tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02/7/2002, Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, Nghị định và văn bản hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

Mục 4. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

18. Khiếu nại

18.1. Chủ lô hàng và Người nộp đơn có quyền khiếu nại các Quyết định, kết luận của Cơ quan Hải quan về việc áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp.

18.2. Người khiếu nại và Cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải thực hiện đúng thủ tục, trình tự khiếu nại và giải quyết khiếu nại quy định trong Luật Khiếu nại, tố cáo.

19. Trách nhiệm của Chủ sở hữu công nghiệp

19.1. Chủ sở hữu công nghiệp có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin liên quan tới hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp cho Cơ quan Hải quan, phối hợp với Cục Sở hữu trí tuệ và Tổng cục Hải quan trong việc bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ liên quan cho công chức hải quan nhằm nâng cao khả năng nhận biết, chủ động kiểm tra, ngăn chặn hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp tại cửa khẩu.

19.2. Chủ sở hữu công nghiệp có thể hỗ trợ kinh phí cho Cơ quan Hải quan tiêu hủy hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp nếu không thể thu hồi được chi phí tiêu hủy hàng hóa từ chủ lô hàng.

20. Trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền

20.1. Tổng cục Hải quan thuộc Bộ Tài chính có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp theo quy định tại Thông tư này.

20.2. Cục Sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm cung cấp cho Tổng cục Hải quan các thông tin

về/hoặc liên quan đến các đối tượng sở hữu công nghiệp đang được bảo hộ tại Việt Nam và phối hợp với Tổng cục Hải quan chỉ đạo nghiệp vụ và tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về sở hữu công nghiệp cho các Cơ quan Hải quan trực tiếp thực hiện các biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp.

20.3. Cục Sở hữu trí tuệ, các cơ quan quản lý sở hữu trí tuệ địa phương có trách nhiệm thực hiện giám định về sở hữu công nghiệp theo yêu cầu của Cơ quan Hải quan và các bên liên quan theo thẩm quyền và thủ tục quy định của pháp luật sở hữu công nghiệp.

21. Hiệu lực

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần báo cáo với Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ để kịp thời điều chỉnh, bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Trương Chí Trung

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ

Thứ trưởng

Bùi Mạnh Hải

Phụ lục 1

Thông tư liên tịch số 129/2004/TTLT-BTC-BKH-CN

ngày 29 tháng 12 năm 2004

**ĐƠN YÊU CẦU GIÁM SÁT, PHÁT HIỆN HÀNG HÓA
GIẢ MẠO NHÃN HIỆU****Kính gửi:**

Người ký tên dưới đây yêu cầu giám sát, phát hiện hàng hóa giả mạo nhãn hiệu.

1. Tên, địa chỉ, quốc tịch Người nộp đơn:
2. Tên, địa chỉ Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (nếu có):
3. Nhãn hiệu hàng hóa bị giả mạo (Tên, Số, ngày cấp Văn bằng bảo hộ):
4. Các tài liệu kèm theo Tờ khai gồm: <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Bản sao Văn bằng bảo hộ; <input type="checkbox"/> Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng li-xăng; <input type="checkbox"/> Tài liệu khác xác nhận Bên nhận li-xăng có quyền nộp đơn; <input type="checkbox"/> Tài liệu khác chứng minh tư cách chủ sở hữu công nghiệp của Người nộp đơn; <input type="checkbox"/> Giấy ủy quyền nộp đơn (nếu Đơn do người đại diện nộp); <input type="checkbox"/> Thông tin chi tiết về hàng hóa giả mạo nhãn hiệu; <input type="checkbox"/> Chứng từ nộp phí nộp đơn (nếu có); <input type="checkbox"/> Các tài liệu khác, cụ thể là:
5. Khai tại: Ngày..... tháng..... năm.... Họ tên, chữ ký của Người khai và con dấu (nếu có)

09 638034

Phụ lục 2

Thông tư liên tịch số 129/2004/TTLT-BTC-BKHCN

ngày 29 tháng 12 năm 2004

ĐƠN YÊU CẦU TẠM DỪNG LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

Kính gửi:.....

Người ký tên dưới đây yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp và cam kết bồi thường thiệt hại trực tiếp cho Chủ lô hàng, thanh toán các chi phí phát sinh khác do việc yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan không đúng gây ra.

1. Tên, địa chỉ, quốc tịch Người nộp đơn:
2. Tên, địa chỉ Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (nếu có):
3. Đối tượng sở hữu công nghiệp nghi ngờ bị xâm phạm (Tên, Số, ngày cấp Văn bằng bảo hộ):
4. Loại hàng hóa, ký mã hiệu, mô tả các dấu hiệu để nhận biết hàng hóa bị nghi ngờ là xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp:
5. Thông tin dự đoán về thời gian, địa điểm làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu cho lô hàng bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp:
6. Tên, địa chỉ của Chủ lô hàng:
7. Các tài liệu kèm theo Tờ khai gồm: <input type="checkbox"/> Bản sao Văn bằng bảo hộ; <input type="checkbox"/> Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng li-xăng; <input type="checkbox"/> Tài liệu khác xác nhận Bên nhận li-xăng có quyền nộp đơn; <input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh quyền sở hữu công nghiệp; <input type="checkbox"/> Giấy ủy quyền nộp đơn (nếu Đơn do người đại diện nộp); <input type="checkbox"/> Bản mô tả chi tiết hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp; <input type="checkbox"/> Ảnh chụp hàng hóa xâm phạm; <input type="checkbox"/> Chứng từ nộp phí nộp đơn (nếu có); <input type="checkbox"/> Các tài liệu khác, cụ thể là:
8. Khai tại: Ngày.... tháng.... năm.... Họ tên, chữ ký của Người khai và con dấu (nếu có)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

09638814